

Bản án số: **34 /2021/DS-ST**.

Ngày: 23/3/2021.

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Võ Văn Cường**.

+ Ông **Trần Trung Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hứa Quốc Thái** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 470/2020/TLST-DS, ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Ngọc M**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ A, Khu B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Bà **Đoàn Thị Ngọc H**, sinh năm: 1997. (có mặt)

Địa chỉ: Khu B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Thành L**, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Bà: **Võ Thị Tuyết T**, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, Khu 4, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I/ Phần trình bày của nguyên đơn

Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc M và người đại diện ủy quyền chị Đoàn Thị Ngọc H trình bày thống nhất:

Bà M là chủ cửa hàng bán vật liệu xây dựng Thanh Tân tại địa chỉ Tổ 16, Khu 3, thị trấn Cái Bè. Từ ngày 01/9/2017 đến ngày 06/6/2019 vợ chồng ông L và bà T đến cửa hàng vật liệu xây dựng của bà M mua vật tư về làm nhà nhiều lần. Khi mua có tiền thì trả, không tiền thì ghi sổ theo dõi. Sau khi kết sổ phía ông L và bà T còn nợ lại số tiền 51.369.214đ và viết giấy nợ giao cho bà M cất giữ hẹn đến

ngày 17/10/2019 trả hết nợ. Nhưng đến nay không trả. Bà M khởi kiện yêu cầu ông L và bà T liên đới trả số tiền trên và trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

II/ Phần trình bày của bị đơn ông Phạm Thành L và bà Võ Thị Tuyết T.

Ông L và bà T dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của bà M đòi hai người liên đới trả 51.369.214đ tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng ông L và bà T vắng mặt không lý do. Nhưng tại bản tự khai ngày 30/12/2020 bà T nộp cho Tòa án xác định bà và chồng là ông L có mua vật liệu để xây nhà của bà M và hiện còn nợ 51.369.214đ và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán với ông L và bà T có địa chỉ tại thị trấn C, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Về việc giải quyết vụ án vắng mặt đương sự.

Ông Phạm Thành L và bà Võ Thị Tuyết T là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của bà M đòi hai người trả 51.369.214đ tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ, và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng ông L và bà T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của mình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 xét xử vắng mặt ông L và bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà M khởi kiện yêu cầu ông L và bà T liên đới trả 51.369.214đ tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ chứng minh bằng tờ biên nhận có nội dung "... Tôi Võ Thị Tuyết T còn nợ 51.369.000đ, tôi hẹn ngày 17/10/2019 trả ...", và tờ biên nhận "... Tôi Võ TT Trinh số tiền 51.369.000 tôi xin nợ lại. Tôi hẹn qua tết tôi sẽ gọi trả cho TT- ký tên Võ TT T..." . Mặt khác tại phiên Tòa hôm nay ông L và bà T vắng mặt, nhưng tại bản tự khai của bà T nộp cho Tòa án ngày 30/12/2020 bà T xác định bà và chồng là ông L có mua vật liệu để xây nhà của bà M và hiện còn nợ 51.369.214đ và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hiện nay phía bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua vật liệu xây dựng 51.369.214đ là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay.

-Xét yêu cầu của bà M buộc ông L và bà T liên đới trả nợ cho bà: Nhận thấy ông L và bà T là vợ chồng, mua vật liệu về nhằm mục đích xây dựng nhà để ở của hai người là nhu cầu cần thiết. Mặt khác tại bản tự khai của bà T cũng thừa nhận là bà và chồng là ông L cùng mua vật liệu về làm nhà. Còn ông L không có ý kiến gì

về yêu cầu khởi kiện của bà M. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc ông L và bà T liên đới trả nợ cho bà M là phù hợp với Điều 288 Bộ luật dân sự.

-Xét yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn bà M.

Nhận thấy khi mua hai bên thỏa thuận là sau khi xây nhà xong sẽ thanh toán đủ, nhưng sau khi xây nhà xong thì phía bị đơn không trả nợ, sau đó có kết sổ xác nhận nợ viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ nhiều lần nhưng kéo dài hơn một năm nay không trả được cho thấy bị đơn là người có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ cam kết lúc ban đầu. Do đó Hội đồng xét xử cần bị đơn liên đới trả nợ cho nguyên đơn phần nợ còn lại là 51.369.214đ trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng qui định pháp luật.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M, nên bị đơn ông L và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật, là 5% đối với số tiền tranh chấp 51.369.214đ $\times 5\% = 2.568.400\text{đ}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 288, 430, 433, 434 và 440 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc M.

- Buộc ông Phạm Thành L và bà Võ Thị Tuyết T liên đới trả cho bà M số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 51.369.214 đồng (Năm mươi một triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm mười bốn đồng).

Thời gian trả: Trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông L và bà T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông L và bà T liên đới chịu 2.568.500 đồng (Hai triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm ngàn đồng). Hoàn lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí là 1.284.000 đồng (Một triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0004427 ngày 24/11/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông L, bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án. Để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG